

Số: ~~40~~./MSC/CV-2017

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2017

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCCK HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

- Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN**
- Mã chứng khoán : **MSC**
- Trụ sở chính: **78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, TP. HCM**
- Điện thoại : **08.38444861** Fax: **08.38443264**
- Website: **www.maseco.com.vn**
- Người thực hiện công bố thông tin: **Đỗ Hương Dương**
- Số CMND : **021720032** Ngày cấp: **29/06/2007** Nơi cấp: **CA TP.HCM**
- Địa chỉ thường trú: **34/18 Nguyễn Thị Thập, P. Bình Thuận, Quận 7, TP.HCM**
- Điện thoại cơ quan : **08.38444861**
- Loại công bố thông tin: 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố: **Báo cáo tài chính Riêng và Hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét năm 2017.**

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Phú Nhuận www.maseco.com.vn vào mục Quan hệ cổ đông.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng với sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng kính chào!

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Nơi nhận

- Như trên
- Lưu VT



ĐỖ HƯƠNG DƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	9 - 41

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Phú Nhuận trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Phú Nhuận (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trước đây là doanh nghiệp nhà nước. Ngày 02 tháng 10 năm 2001, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Dịch vụ Phú Nhuận theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302416364 do Sở KH&ĐT TP.Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 17 tháng 06 năm 2014.

Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 898/QĐ-SGDHN ngày 29 tháng 12 năm 2016 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: PHU NHUAN SERVICE JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: MASECO.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 78A Nguyễn Văn Trỗi, phường 08, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Xuân Hàn	Chủ tịch
	Ông Đỗ Hương Dương	Phó Chủ tịch
	Bà Trương Thị Thanh Tâm	Ủy viên
	Ông Trịnh Ngọc Minh	Ủy viên
	Ông Lê Thiện Hưng	Ủy viên
	Ông Võ Duy Tân Cảnh	Ủy viên
	Ông Trịnh Phương Nam	Ủy viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Xuân Hàn	Tổng Giám đốc
	Ông Đỗ Hương Dương	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trịnh Ngọc Minh	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Xuân Hàn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2017

Số: 637/2017/BCSXHN-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phú Nhuận

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Phú Nhuận (gọi tắt là “Công ty”), được lập tại ngày 12 tháng 8 năm 2017, từ trang 05 đến trang 41, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/06/2017, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016 đã được kiểm toán viên khác soát xét; kiểm toán viên này đã đưa ra Báo cáo soát xét giữa niên độ vào ngày 11 tháng 08 năm 2016 có dạng kết luận về việc không thấy có vấn đề gì khiến kiểm toán viên cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý.

Kết luận kiểm toán

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Vũ Ngọc Ân

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2015-137-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		697.705.634.435	760.305.135.071
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	62.346.494.894	68.146.110.747
1. Tiền	111		38.309.467.116	53.092.360.747
2. Các khoản tương đương tiền	112		24.037.027.778	15.053.750.000
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		175.764.051.395	238.051.656.548
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	136.256.594.854	186.563.097.243
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	79.887.364.084	89.566.903.488
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	2.575.713.546	4.877.276.906
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.5	(42.955.621.089)	(42.955.621.089)
IV- Hàng tồn kho	140	5.6	456.501.481.777	451.028.071.639
1. Hàng tồn kho	141		456.501.481.777	451.028.071.639
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		3.093.606.369	3.079.296.137
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	505.115.820	392.288.241
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.162.331.018	1.858.329.015
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.8	426.159.531	828.678.881
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		287.035.096.785	274.121.275.352
I Các khoản phải thu dài hạn	210		16.000.000	16.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	16.000.000	16.000.000
II Tài sản cố định	220		64.065.415.625	55.132.142.492
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	58.206.071.466	50.021.850.034
- Nguyên giá	222		83.142.233.977	72.475.869.718
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.936.162.511)	(22.454.019.684)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	5.859.344.159	5.110.292.458
- Nguyên giá	228		6.211.722.258	5.367.082.258
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(352.378.099)	(256.789.800)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.11	171.234.435.346	175.416.345.924
1. Nguyên giá	231		219.851.478.661	219.381.934.261
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(48.617.043.315)	(43.965.588.337)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.176.989.049	13.381.231.869
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	3.176.989.049	13.381.231.869
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.13	34.527.503.475	15.791.557.196
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		8.911.185.988	11.775.239.709
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		28.440.000.000	6.840.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.823.682.513)	(2.823.682.513)
VI Tài sản dài hạn khác	260		14.014.753.290	14.383.997.871
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	13.792.634.904	14.383.997.871
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		222.118.386	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		984.740.731.220	1.034.426.410.423

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

Mẫu B 01a-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		580.314.380.893	618.299.279.625
I- Nợ ngắn hạn	310		568.830.919.345	607.063.240.374
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	14.592.443.154	17.253.754.552
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.813.766.896	10.522.594
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.8	1.283.989.299	2.687.158.444
4. Phải trả người lao động	314		-	486.740
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	217.908.857	4.481.142.359
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.16	1.110.591.927	2.039.111.380
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	199.684.896	1.050.944.771
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	-5.18	520.980.471.557	551.270.415.000
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.19	5.500.000.000	5.500.000.000
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		22.132.062.759	22.769.704.534
II- Nợ dài hạn	330		11.483.461.548	11.236.039.251
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.16	2.720.000.000	3.060.000.000
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.17	7.021.400.000	6.631.400.000
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.742.061.548	1.544.639.251
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		404.426.350.327	416.127.130.798
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.20	404.426.350.327	416.127.130.798
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		225.000.000.000	225.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		225.000.000.000	225.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		49.742.000.000	49.742.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		109.445.996.298	109.445.996.298
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		4.329.391.140	4.466.391.140
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15.908.962.889	27.472.743.360
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		764.817.080	5.451.194.371
- LNST chưa phân phối kì này	421b		15.144.145.809	22.021.548.989
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300+400)	440		984.740.731.220	1.034.426.410.423

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2017

Người lập



Bùi Thị Anh Thư

Kế toán trưởng



Trần Thị Lua

Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Hàn

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

CHỈ TIÊU	MS	TM	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
			đến 30/06/2017	đến 30/06/2016
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.21	766.894.638.138	1.263.411.634.722
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.21	15.029.740	14.623.916
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.21	766.879.608.398	1.263.397.010.806
4. Giá vốn hàng bán	11	5.22	707.903.443.363	1.182.328.032.301
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		58.976.165.035	81.068.978.505
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.23	2.714.970.769	3.030.834.103
7. Chi phí tài chính	22	5.24	10.041.847.134	13.308.264.133
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>9.364.252.025</i>	<i>12.602.361.227</i>
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ly liên kết	24		(1.051.999.890)	(1.095.013.957)
9. Chi phí bán hàng	25	5.25	17.451.380.867	25.914.064.162
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.26	14.381.563.837	15.118.068.126
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		18.764.344.076	28.664.402.230
12. Thu nhập khác	31		51.368.090	146.016.582
13. Chi phí khác	32		26.100.000	14.522.592
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		25.268.090	131.493.990
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		18.789.612.166	28.795.896.220
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.27	4.005.999.895	6.273.055.358
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(360.533.538)	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		15.144.145.809	22.522.840.862
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		15.144.145.809	22.522.840.862
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.28	628,63	867,68
21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.28	628,63	867,68

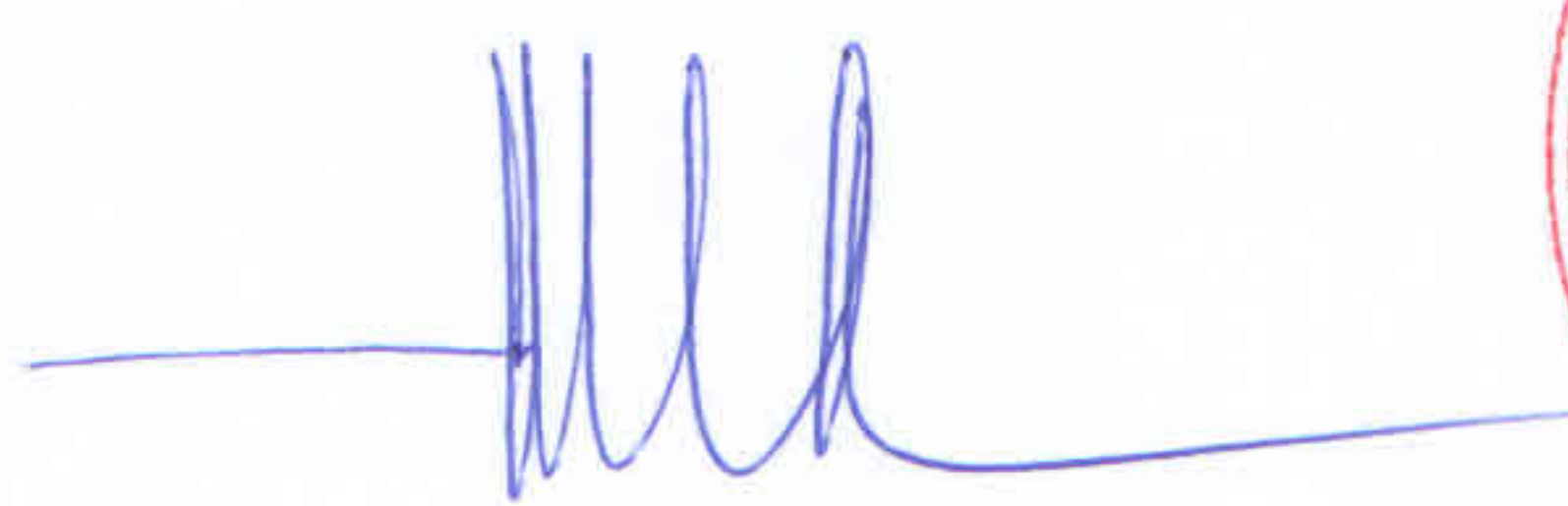
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2017

Người lập



Bùi Thị Anh Thư

Kế toán trưởng



Trần Thị Lụa

Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Hàn

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

Mẫu B 03a-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017


CHỈ TIÊU	MS	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
		đến 30/06/2017	đến 30/06/2016
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	18.789.612.166	28.795.896.220
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	7.260.195.004	6.980.476.285
- Các khoản dự phòng	03	-	(4.291.104.406)
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(448.762.010)	2.074.374.358
- Chi phí lãi vay	06	9.364.252.025	12.602.361.227
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	34.965.297.185	46.162.003.684
- Tăng/giảm các khoản phải thu	09	61.759.484.764	(19.465.977.658)
- Tăng/giảm hàng tồn kho	10	(5.473.410.138)	(85.893.102.357)
- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(4.422.459.714)	(4.213.036.432)
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12	478.535.388	(83.519.574)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(9.364.252.025)	(12.602.361.227)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.601.480.545)	(12.583.869.577)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	22.406.000	32.095.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.660.047.775)	(8.493.290.180)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	72.704.073.140	(97.141.058.321)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(3.633.189.378)	(18.335.714.660)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	7.500.000	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(21.600.000.000)	(3.000.000.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	10.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	441.943.828	235.582.099
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(24.783.745.550)	(21.090.132.561)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	649.013.324.560	837.180.959.577
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(679.303.268.003)	(716.606.781.685)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(23.430.000.000)	(13.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(53.719.943.443)	107.074.177.892
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(5.799.615.853)	(11.157.012.990)
(50 = 20+30+40)			
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	68.146.110.747	73.911.689.969
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	62.346.494.894	62.754.676.979
(70 = 50+60+61)			

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2017

Người lập


Bùi Thị Anh Thư

Kế toán trưởng


Trần Thị Lua

Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Hàn

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Phú Nhuận (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trước đây là doanh nghiệp nhà nước. Ngày 02 tháng 10 năm 2001, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty cổ phần dịch vụ Phú Nhuận theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302416364 do Sở KH&ĐT TP.Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 17 tháng 06 năm 2014.

Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 898/QĐ-SGDHN ngày 29 tháng 12 năm 2016 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: PHU NHUAN SERVICE JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: MASECO.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 225.000.000.000 đồng.

Công ty hiện đang niêm yết tại niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu là: MSC

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 78A Nguyễn Văn Trỗi, phường 08, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2017 là 143 người (Tại 30/06/2016 là 166 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, bán buôn, bán lẻ sản phẩm điện tử dân dụng, thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.
- Xuất nhập khẩu hàng hóa tiêu dùng và vật tư sản xuất.
- Sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu.
- Kinh doanh bất động sản, khách sạn, nhà hàng, văn phòng, kho bãi, cửa hàng, công trình dân dụng.
- Kinh doanh ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

1.3 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

1.4 Cấu trúc Công ty

Danh sách Công ty con được hợp nhất:

STT	Tên Công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
1	Công ty TNHH MTV Khách sạn Hoa Mai Vàng	Dịch vụ lưu trú. Dịch vụ Karaoke. Đại lý du lịch. Vận tải hành khách đường bộ khác.	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

1.4 Cấu trúc Công ty (Tiếp theo)

Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

STT	Tên Công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
1	Công ty TNHH Công Nghệ Điện tử Phương Đông	Sản xuất sản phẩm điện dân dụng	30%	30%
2	Công ty TNHH Quang Điện Xanh	Bán buôn các thiết bị điện tử	45%	45%
3	Công ty TNHH Thương mại Điện tử Arirang	Bán buôn các thiết bị điện tử	46,15%	46,15%
4	Công ty TNHH Truyền Thông Đa Phương Tiện Arirang	Ghi âm, xuất bản âm nhạc	45%	45%
5	Công ty cổ phần Điện Tử Amtec	Sản xuất, bán buôn, bán lẻ sản phẩm điện tử, điện gia dụng	30%	30%

Đơn vị trực thuộc: Tại ngày 30/06/2017, Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

STT	Tên chi nhánh	Địa chỉ, mã số chi nhánh
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Phú Nhuận tại Đà Nẵng	206 Điện Biên Phủ, Phường Chính Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Mã số chi nhánh: 0302416364-006
2	Công ty Cổ phần Dịch vụ Phú Nhuận Chi nhánh tại Bình Dương	Lô B11, ô1,2,3, Đường D1, Khu Công Nghiệp Đất Cuốc, Xã Đất Cuốc, Huyện Bắc Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Mã số chi nhánh: 0302416364-010
3	Câu lạc bộ Ngôi sao	17 Lô C11 Phan Xích Long, Phường 02, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
4	Công ty Cổ phần Dịch vụ Phú Nhuận – Trung tâm dịch vụ điện tử	7 Hoàng Minh Giám, Phường 09, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
5	Công ty Cổ phần Dịch vụ Phú Nhuận Chi nhánh Gia Lai	1028 Hùng Vương, Thị trấn Chư Sê, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam Mã số chi nhánh: 0302416364-001
6	Công ty Cổ phần Dịch vụ Phú Nhuận – Trung tâm dịch vụ điện tử	131 Trần Huy Liệu, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
7	Công ty Cổ phần Dịch vụ Phú Nhuận – Chi nhánh Hiệp Phước	Lô A.10a Đường số 1, Khu Công Nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực, liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức sổ Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu trong phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty thường xuyên giao dịch tại ngày 30/06/2017.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty thường xuyên giao dịch tại ngày 30/06/2017.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại các khoản mục có gốc tiền tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Thời điểm	Ngân hàng	Tỷ giá mua vào	Tỷ giá bán ra
30/06/2017	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	22.700 VND/USD	22.770 VND/USD
30/06/2017	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	22.700 VND/USD	22.770 VND/USD

Nguyên tắc kế toán tiền và tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm các loại chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể các chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời), như: Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán; Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác;

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- ❖ Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0)
- ❖ Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá trị ghi sổ theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- ❖ Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- ❖ Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- ❖ Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền đối với Nguyên vật liệu và phương pháp đích danh đối với Hàng hóa, thành phẩm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
Nhà xưởng và vật kiến trúc	Số năm 04 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị của những Quyền sử dụng đất và phần mềm quản lý được khấu hao như sau:

Quyền sử dụng đất bao gồm;

- Số 69 Hoàng Văn Thụ, P15, Q. Phú Nhuận thành phố Hồ Chí Minh, thời hạn sử dụng đất là 49 năm. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn tại 206 Điện Biên Phủ, phường Chính Gián, quận Thanh Khê, Đà Nẵng. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm quản lý: Phần mềm tin học phục vụ quản lý được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế là giá trị phần mềm Lemon3, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn 8 năm sử dụng phần mềm

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất, nhà xưởng vật kiến trúc và máy móc thiết bị do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Khấu hao: Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư chờ tăng giá.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước là giá trị tiền thuê đất trả trước cho nhiều năm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ theo thời gian thuê đất.

Chi phí trả trước dài hạn khác liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Đối với doanh nghiệp sản xuất và thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán được ghi nhận theo thực tế phát sinh.

Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

• Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập tính thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập tính thuế theo chính sách thuế hiện hành.

• Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập tính thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh..

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh nông sản, kinh doanh hàng điện tử, kinh doanh bất động sản, các hoạt động khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

S.D
K
CP
PHC

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	1.321.816.557	1.823.859.827
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	36.987.650.559	51.268.500.920
Tương đương tiền (*)	24.037.027.778	15.053.750.000
Cộng	62.346.494.894	68.146.110.747

Tương đương tiền tại 30/06/2017 trình bày khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam với kỳ hạn 1 tháng, với lãi suất 4,3%/năm.

5.2 Các khoản phải thu khách hàng

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	136.256.594.854	186.563.097.243
Bà Phạm Thị Phương Liên	29.390.000.000	68.000.000.000
DNTN Tuấn Trung	2.300.000.000	10.321.513.772
Công ty Cổ phần Điện tử Amtec	43.283.676.650	50.457.530.267
Các đối tượng khác	61.282.918.204	57.784.053.204
Trong đó, phải thu của khách hàng là các bên liên quan	44.184.762.347	52.073.867.624
Công ty Cổ phần Điện tử Amtec	43.283.676.650	50.457.530.267
Công ty TNHH Thương mại Điện tử Arirang	901.085.697	1.616.337.357
Cộng	136.256.594.854	186.563.097.243

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	79.887.364.084	89.566.903.488
Công ty TNHH XNK Nông sản Phú Long	31.440.658.923	35.940.658.923
Công ty TNHH Thuận Kiều	29.050.690.446	29.050.690.446
Các đối tượng khác	19.396.014.715	24.575.554.119
Cộng	79.887.364.084	89.566.903.488

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.4 Các khoản phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	2.575.713.546	-	4.877.276.906	-
Tạm ứng	253.468.000	-	-	-
Trung tâm thể dục thể thao Quận Phú Nhuận về quảng cáo thương hiệu	-	-	3.900.000.000	-
Công ty TNHH MTV Khách sạn Hoa Mai Vàng	403.595.700	-	406.595.700	-
Công ty TNHH Công nghệ Điện tử Phương Đông	750.000.000	-	-	-
Các khoản khác	1.168.649.846	-	570.681.206	-
b) Dài hạn	16.000.000	-	16.000.000	-
Ký cược, ký quỹ dài hạn	16.000.000	-	16.000.000	-
Cộng	2.591.713.546	-	4.893.276.906	-

5.5 Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	60.491.349.369	17.535.728.280	64.991.349.369	22.035.728.280
Trong đó,				
Công ty TNHH XNK Nông Sản Phú Long	31.440.658.923	17.535.728.280	35.940.658.923	22.035.728.280
Công ty TNHH Thuận Kiều	29.050.690.446	-	29.050.690.446	-

Trong đó, tình trạng tuổi nợ của các đối tượng khả năng khó đòi như sau:

	6 tháng đến 1 năm	Từ 1-2 năm	Từ 2-3 năm	Trên 3 năm
Công ty TNHH XNK Nông Sản Phú Long	-	31.440.658.923	-	-
Công ty TNHH Thuận Kiều	-	-	-	29.050.690.446

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.6 Hàng tồn kho*Đơn vị tính: VND*

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi đường	-	-	1.078.764.485	-
Nguyên vật liệu	68.155.937.157	-	105.518.415.941	-
Công cụ dụng cụ	37.317.840	-	230.768.335	-
Bao bì luân chuyển	1.761.293.648	-	1.574.656.829	-
Hàng hóa	300.631.452.717	-	239.318.028.305	-
Thành phẩm	84.517.711.823	-	103.307.437.744	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.397.768.592	-	-	-
Cộng	456.501.481.777	-	451.028.071.639	-

5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	505.115.820	392.288.241
Công cụ dụng cụ	169.519.566	306.001.990
Chi phí bảo hiểm	298.316.256	47.770.782
Phí bảo dưỡng, sửa chữa xe, Internet, khác	37.279.998	38.515.469
b) Dài hạn	13.792.634.904	14.383.997.871
Tiền thuê đất KCN Hiệp Phước 1	2.613.561.072	2.654.373.162
Tiền thuê đất KCN Hiệp Phước 2	3.021.336.877	3.069.294.607
Tiền thuê đất dài hạn KCN Đất Cuốc	4.775.107.368	4.841.107.368
Chi phí xây dựng bảng điện tử	2.720.110.233	3.060.124.012
Công cụ dụng cụ	397.997.791	473.838.213
Các khoản khác	264.521.563	285.260.509
Cộng	14.297.750.724	14.776.286.112

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.8 Thuế và nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2017	Số phải nộp	Số đã nộp	30/06/2017
	VND	trong kỳ	trong kỳ	VND
Phải nộp	2.687.158.444	19.022.675.587	20.425.844.732	1.283.989.299
Thuế GTGT	1.899.152.921	10.655.762.419	12.083.512.822	471.402.518
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.601.480.545	3.601.480.545	-
Thuế thu nhập cá nhân	457.950.144	2.059.545.414	2.034.964.156	482.531.402
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	330.055.379	2.705.887.209	2.705.887.209	330.055.379
Phải thu	828.678.881	7.417.379.766	7.014.860.416	426.159.531
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	5.953.997.967	5.953.997.967	-
Thuế xuất nhập khẩu	2.549.520	1.048.862.449	1.048.862.449	2.549.520
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	525.231.360	404.519.350	-	120.712.010
Các khoản khác phải thu nhà nước	300.898.001	10.000.000	12.000.000	302.898.001

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.9 Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư 01/01/2017	38.453.346.499	23.779.437.936	10.173.981.633	69.103.650	72.475.869.718
Tăng trong kỳ	8.962.024.671	1.415.348.488	320.000.000	-	10.697.373.159
Mua trong kỳ	2.728.002.202	53.726.700	320.000.000	-	3.101.728.902
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	6.234.022.469	1.361.621.788	-	-	7.595.644.257
Giảm trong kỳ	-	31.008.900	-	-	31.008.900
Thanh lý trong kỳ	-	31.008.900	-	-	31.008.900
Số dư tại 30/06/2017	47.415.371.170	25.163.777.524	10.493.981.633	69.103.650	83.142.233.977
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư 01/01/2017	8.607.129.166	7.680.578.053	6.142.318.165	23.994.300	22.454.019.684
Tăng trong kỳ	1.127.523.866	942.593.195	437.276.034	5.758.632	2.513.151.727
Khấu hao trong kỳ	1.127.523.866	942.593.195	437.276.034	5.758.632	2.513.151.727
Giảm trong kỳ	-	31.008.900	-	-	31.008.900
Thanh lý nhượng bán trong kỳ	-	31.008.900	-	-	31.008.900
Số dư tại 30/06/2017	9.734.653.032	8.592.162.348	6.579.594.199	29.752.932	24.936.162.511
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2017	29.846.217.333	16.098.859.883	4.031.663.468	45.109.350	50.021.850.034
Tại ngày 30/06/2017	37.680.718.138	16.571.615.176	3.914.387.434	39.350.718	58.206.071.466

Trong đó:

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 7.273.018.827 đồng (Nguyên giá tại ngày 30/06/2016 là: 7.090.368.427 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.10 Tài sản cố định vô hình

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2017	5.367.082.258	-	5.367.082.258
Tăng trong kỳ	-	844.640.000	844.640.000
Mua trong kỳ	-	844.640.000	844.640.000
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 30/06/2017	5.367.082.258	844.640.000	6.211.722.258
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2017	256.789.800	-	256.789.800
Tăng trong kỳ	42.798.299	52.790.000	95.588.299
Khấu hao trong kỳ	42.798.299	52.790.000	95.588.299
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 30/06/2017	299.588.099	52.790.000	352.378.099
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2017	5.110.292.458	-	5.110.292.458
Tại 30/06/2017	5.067.494.159	791.850.000	5.859.344.159

5.11 Bất động sản đầu tư

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư 01/01/2017	26.145.204.255	162.842.385.038	30.394.344.968	219.381.934.261
Tăng trong kỳ	-	469.544.400	-	469.544.400
Tăng khác	-	469.544.400	-	469.544.400
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2017	26.145.204.255	163.311.929.438	30.394.344.968	219.851.478.661
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư 01/01/2017	821.383.312	23.131.618.275	20.012.586.750	43.965.588.337
Tăng trong kỳ	136.415.264	2.868.174.312	1.646.865.402	4.651.454.978
Khấu hao trong kỳ	136.415.264	2.868.174.312	1.646.865.402	4.651.454.978
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2017	957.798.576	25.999.792.587	21.659.452.152	48.617.043.315
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2017	25.323.820.943	139.710.766.763	10.381.758.218	175.416.345.924
Tại ngày 30/06/2017	25.187.405.679	137.312.136.851	8.734.892.816	171.234.435.346

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn còn cho thuê tại 30/06/2017 là 7.447.866.664 VND (tại 30/06/2016 là 1.725.574.965 VND)

Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư tại ngày 30/06/2017 dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng là 123.328.702.501 VND (tại 30/06/2016 là 76.092.363.955 VND)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Chi xây dựng cơ bản dở dang	3.176.989.049	13.381.231.869
Công trình Khu Công nghiệp Đất Cuốc	-	9.564.666.072
Công trình Hiệp Phước 2	1.144.170.873	1.144.170.873
Công trình 157 Phan Đăng Lưu	1.189.885.920	1.189.885.920
Nhà máy lắp ráp Điện tử Đồng Nai	842.932.256	975.725.004
Mua sắm tài sản cố định	-	506.784.000
Cộng	3.176.989.049	13.381.231.869

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.13 Đầu tư tài chính*Đơn vị tính: VND*

Đối tượng đầu tư	6/30/2017				01/01/2017		
	Tỷ lệ	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý Trình bày lại (*)
Đầu tư liên doanh, liên kết		17.100.000.000	-	8.911.185.988	17.100.000.000	-	11.775.239.709
Công ty TNHH Công nghệ Điện tử Phương Đông	30%	1.500.000.000	-	2.427.693.309	1.500.000.000	-	3.409.444.243
Công ty TNHH Quang Điện Xanh	45%	2.025.000.000	-	1.056.011.169	2.025.000.000	-	1.056.011.169
Công ty TNHH Thương mại Điện tử Arirang	46%	3.000.000.000	-	3.375.615.113	3.000.000.000	-	3.796.651.444
Công ty TNHH Truyền thông Đa phương tiện Arirang	45%	1.575.000.000	-	500.601.139	1.575.000.000	-	500.601.139
Công ty Cổ phần Điện tử Amec	30%	9.000.000.000	-	1.551.265.258	9.000.000.000	-	3.012.531.714
Đầu tư dài hạn khác		28.440.000.000	2.823.682.513	25.616.317.487	6.840.000.000	2.823.682.513	4.016.317.487
Công ty Cổ phần Alo360.com		6.000.000.000	2.823.682.513	3.176.317.487	6.000.000.000	2.823.682.513	3.176.317.487
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xúc tiến thương mại		840.000.000	-	840.000.000	840.000.000	-	840.000.000
Công ty Cổ phần Cà phê Tín Nghĩa	13,50%	21.600.000.000	-	21.600.000.000	-	-	-
Cộng		45.540.000.000	2.823.682.513	34.527.503.475	23.940.000.000	2.823.682.513	15.791.557.196

(*) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư liên doanh, liên kết được trình bày dựa theo kết quả hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu về giá trị đầu tư vào công ty liên doanh liên kết, căn cứ theo số liệu báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 của các đối tượng nhận đầu tư chưa được soát xét bởi kiểm toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.14 Phải trả người bán*Đơn vị tính: VND*

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	14.592.443.154	14.592.443.154	17.253.754.552	17.253.754.552
Công ty TNHH TM DV Hoàng Nghi	5.987.488	5.987.488	6.250.846.290	6.250.846.290
Chunghsin Technology Group Co., Ltd	5.454.011.640	5.454.011.640	5.454.011.640	5.454.011.640
DNTN Hà Gia Mẫn	377.707.443	377.707.443	2.340.285.415	2.340.285.415
China Electronics Xin Wei (Shanghai) Logistics Co., LTD	2.128.842.200	2.128.842.200	1.805.195.900	1.805.195.900
Công ty Nông sản Hồng Nhung	3.081.888.000	3.081.888.000	-	-
Các đối tượng khác	3.544.006.383	3.544.006.383	1.403.415.307	1.403.415.307
Cộng	14.592.443.154	14.592.443.154	17.253.754.552	17.253.754.552

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	217.908.857	4.481.142.359
Trích trước chi phí quảng cáo	-	3.900.000.000
Lương tháng 13	-	109.302.083
Chi phí khác	217.908.857	471.840.276
Cộng	217.908.857	4.481.142.359

5.16 Doanh thu chưa thực hiện

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.110.591.927	2.039.111.380
Doanh thu từ giao dịch bán hàng cho công ty liên kết chưa được bán ra ngoài	1.110.591.927	2.039.111.380
b) Dài hạn	2.720.000.000	3.060.000.000
Doanh thu nhận trước từ tiền cho thuê bảng quảng cáo	2.720.000.000	3.060.000.000
Cộng	3.830.591.927	5.099.111.380

5.17 Các khoản phải trả phải nộp khác*Đơn vị tính: VND*

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	199.684.896	1.050.944.771
Công ty Cổ phần Điện tử Amec	-	861.600.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	199.684.896	189.344.771
b) Dài hạn	7.021.400.000	6.631.400.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	7.021.400.000	6.631.400.000
Cộng	7.221.084.896	7.682.344.771

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.18 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	30/06/2017		Trong kỳ		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	520.980.471.557	520.980.471.557	649.013.324.560	679.303.268.003	551.270.415.000	551.270.415.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây - VNĐ (1)	147.183.396.000	147.183.396.000	159.962.587.500	20.503.230.000	7.724.038.500	7.724.038.500
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - VNĐ (2)	23.000.000.000	23.000.000.000	25.664.992.000	30.301.821.000	27.636.829.000	27.636.829.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây - USD (3)	213.399.608.127	213.399.608.127	289.831.336.130	443.124.649.893	366.692.921.890	366.692.921.890
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - USD (4)	137.397.467.430	137.397.467.430	173.554.408.930	185.373.567.110	149.216.625.610	149.216.625.610
Cộng	520.980.471.557	520.980.471.557	649.013.324.560	679.303.268.003	551.270.415.000	551.270.415.000

(1, 3): Hợp đồng cấp tín dụng số 337B16 ngày 29 tháng 08 năm 2016 của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Tây. Hạn mức cấp tín dụng là 400.000.000.000 đồng, đồng tiền áp dụng là đồng Việt Nam, USD hoặc ngoại tệ khác theo từng khế ước nhận nợ. Lãi suất được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ. Hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và Nhà xưởng trên đất theo các hợp đồng thế chấp số 223/NHNT-KH/TC/14 ngày 26/08/2014 và hợp đồng số 092/NHNT-KH/TC/11 ngày 29/06/2011, hợp đồng thế chấp số 202/NHNT-KH/TC/10 ngày 28/10/2010 ký giữa ngân hàng và Công ty.

(2,4): Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 01/2016/95777/HĐTD của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Phú Nhuận. Hạn mức cấp tín dụng là 200.000.000.000 đồng, thời gian cấp là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này đến hết ngày 19/07/2017. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Lãi suất được quy định cụ thể trong từng khế ước vay.

5.19 Dự phòng phải trả

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	5.500.000.000	5.500.000.000
Dự phòng bảo hành sản phẩm	5.500.000.000	5.500.000.000
Cộng	5.500.000.000	5.500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.20 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2016	225.000.000.000	49.742.000.000	100.624.824.222	4.131.043.100	37.131.023.431	416.628.890.753
Tăng trong năm	-	-	10.173.844.059	2.000.000.000	31.027.533.988	43.201.378.047
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	30.792.096.275	30.792.096.275
Trích lập quỹ	-	-	10.173.844.059	2.000.000.000	-	12.173.844.059
Tăng khác	-	-	-	-	235.437.713	235.437.713
Giảm trong năm	-	-	1.352.671.983	1.664.651.960	40.685.814.059	43.703.138.002
Chia cổ tức	-	-	-	-	22.511.970.000	22.511.970.000
Sử dụng quỹ	-	-	1.352.671.983	1.664.651.960	-	3.017.323.943
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	15.173.844.059	15.173.844.059
Trích quỹ khác	-	-	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Số dư tại 31/12/2016	225.000.000.000	49.742.000.000	109.445.996.298	4.466.391.140	27.472.743.360	416.127.130.798
Số dư tại 01/01/2017	225.000.000.000	49.742.000.000	109.445.996.298	4.466.391.140	27.472.743.360	416.127.130.798
Tăng trong kỳ	-	-	-	1.000.000.000	15.223.261.000	16.223.261.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	15.144.145.809	15.144.145.809
Trích lập quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	79.115.191	79.115.191
Giảm trong kỳ	-	-	-	1.137.000.000	26.787.041.471	27.924.041.471
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	23.430.000.000	23.430.000.000
Trích lập các quỹ (*)	-	-	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Sử dụng quỹ	-	-	-	1.137.000.000	-	1.137.000.000
Chi đóng góp quỹ XH từ lợi nhuận sau thuế (*)	-	-	-	-	300.000.000	300.000.000
Bút toán xử lý hợp nhất	-	-	-	-	1.057.041.471	1.057.041.471
Số dư tại 30/06/2017	225.000.000.000	49.742.000.000	109.445.996.298	4.329.391.140	15.908.962.889	404.426.350.327

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2016 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 04/MSC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 04 năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.20 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Vốn góp đầu kỳ	225.000.000.000	225.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	225.000.000.000	225.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	23.430.000.000	13.500.000.000

c. Cổ phiếu

	30/06/2017 Cổ phiếu	01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	22.500.000	22.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	22.500.000	22.500.000
Cổ phiếu phổ thông	22.500.000	22.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	22.500.000	22.500.000
Cổ phiếu phổ thông	22.500.000	22.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

d. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu của Công ty

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Quỹ đầu tư phát triển	109.445.996.298	109.445.996.298
Quỹ khác vốn chủ sở hữu	4.329.391.140	4.466.391.140
Cộng	113.775.387.438	113.912.387.438

5.21 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
a) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch	766.894.638.138	1.263.411.634.722
Doanh thu bán hàng hóa	748.356.225.294	1.244.495.682.589
Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.538.412.844	18.915.952.133
b) Các khoản giảm trừ doanh thu	15.029.740	14.623.916
Hàng bán bị trả lại	15.029.740	14.623.916
Doanh thu thuần	766.879.608.398	1.263.397.010.806

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.22 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm, hàng hóa đã bán	698.111.203.078	1.171.433.359.153
Giá vốn cung cấp dịch vụ	9.792.240.285	10.894.673.148
Cộng	707.903.443.363	1.182.328.032.301

5.23 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	441.943.828	235.582.099
Lãi chậm thanh toán, lãi bán cổ phiếu	-	67.774.529
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.273.026.941	2.727.477.475
Cộng	2.714.970.769	3.030.834.103

5.24 Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	9.364.252.025	12.602.361.227
Lỗ chênh lệch tỷ giá	571.727.902	624.762.821
Chiết khấu thanh toán	105.867.207	81.140.085
Cộng	10.041.847.134	13.308.264.133

5.25 Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên	7.682.517.503	7.205.950.825
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	1.999.372	2.092.267.377
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	125.559.511	646.670.420
Chi phí khấu hao TSCĐ	324.636.167	324.268.616
Chi phí bảo hành sản phẩm	1.138.679.079	1.562.595.206
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.114.156.374	4.075.642.384
Các khoản khác	7.063.832.861	10.006.669.334
Cộng	17.451.380.867	25.914.064.162

5.26 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.183.831.729	7.347.463.861
Chi phí đồ dùng văn phòng	52.353.182	251.116.428
Chi phí khấu hao TSCĐ	831.856.582	791.254.398
Thuế phí và lệ phí	359.563.809	1.031.699.132
Chi phí dịch vụ mua ngoài	552.693.636	1.097.118.910
Chi phí khác	4.401.264.899	4.599.415.397
Cộng	14.381.563.837	15.118.068.126

5.27 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	18.789.612.166	28.795.896.220
2. Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:	-	-
3. Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:	-	-
4. Thu nhập chịu thuế	20.029.999.476	31.235.036.792
5. Chuyển lỗ	-	-
6. Thu nhập tính thuế	20.029.999.476	31.235.036.792
7. Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
8. Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	4.005.999.895	6.240.495.358
9. Điều chỉnh thuế TNDN truy thu các năm trước	-	32.560.000
Thuế TNDN hiện hành (8+9)	4.005.999.895	6.273.055.358

Chi phí thuế TNDN trong 6 tháng đầu năm 2017 được tạm tính trên thu nhập chịu thuế 6 tháng đầu năm 2017 với mức thuế suất theo quy định là 20%

5.28 Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15.144.145.809	22.522.840.862
Điều chỉnh giảm khoản trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	1.000.000.000	3.000.000.000
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	14.144.145.809	19.522.840.862
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	22.500.000	22.500.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	628,63	867,68

5.29 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	597.562.023.620	692.590.634.570
Chi phí nhân công	17.322.035.943	16.848.607.704
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.260.195.004	6.862.625.389
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.860.235.203	9.816.626.512
Chi phí dự phòng	1.138.679.079	-
Chi phí khác	9.286.546.217	18.297.650.741
Cộng	655.429.715.066	744.416.144.916

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****a. Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát	Thu nhập từ thù lao, lương, thưởng và các khoản khác	3.013.026.155	3.644.412.693

b. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Giao dịch mua				
Công ty TNHH MTV Khách Sạn Hoa Mai Vàng	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	451.028.456	644.511.638
Công ty Cổ Phần Điện Tử Amtec	Bên liên quan	Mua hàng	35.813.044.000	52.255.065.000
Công ty TNHH Công Nghệ Điện tử Phương Đông	Bên liên quan	Mua hàng	13.699.826.800	18.379.155.500
Công ty TNHH Truyền Thông Đa Phương Tiện Arirang	Bên liên quan	Mua hàng	-	1.051.240.000
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nông sản Phú Long	Bên liên quan	Mua hàng	-	379.110.845.732
Cộng			49.963.899.256	451.440.817.870
Giao dịch bán				
Công ty Cổ Phần Điện Tử Amtec	Bên liên quan	Bán hàng, cung cấp dịch vụ	13.756.539.688	36.632.820.378
Công ty TNHH Thương mại Điện tử Arirang	Bên liên quan	Bán hàng, cung cấp dịch vụ	11.769.881.514	16.583.099.753
Công ty TNHH Truyền Thông Đa Phương Tiện Arirang	Bên liên quan	Bán hàng, cung cấp dịch vụ	-	257.007.618
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nông sản Phú Long	Bên liên quan	Bán hàng, cung cấp dịch vụ	-	342.921.626.213
Cộng			25.526.421.202	396.394.553.962
Giao dịch khác				
Cty TNHH TM Điện tử Arirang	Bên liên quan	Cổ tức được chia	419.965.000	689.942.500
Cty TNHH Công Nghệ điện Tử Phương Đông	Bên liên quan	Cổ tức được chia	750.000.000	525.000.000
Cộng			1.169.965.000	1.214.942.500

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**c. Số dư với các bên liên quan****Số dư phải thu và phải thu khác các bên liên quan**

Bên liên quan	Khoản mục	30/06/2017	01/01/2017
		VND	VND
Công ty Cổ phần Điện tử AMTEC	Phải thu khách hàng	43.283.676.650	50.457.530.267
Công ty TNHH Thương mại Điện tử Arirang	Phải thu khách hàng	901.085.697	1.616.337.357
Công ty TNHH MTV Khách sạn Hoa Mai Vàng	Phải thu khác	793.471.860	1.180.348.020
Cộng		44.978.234.207	53.254.215.644

Số dư phải trả và phải trả khác các bên liên quan

Bên liên quan	Khoản mục	30/06/2017	01/01/2017
		VND	VND
Công ty Cổ phần Điện tử AMTEC	Trả trước cho người bán	5.432.874.400	4.370.130.000
Công ty TNHH Công Nghệ Điện tử Phương Đông	Trả trước cho người bán	2.179.747.520	6.499.000
	Phải trả cho người bán	261.800.000	-
Cộng		7.874.421.920	4.376.629.000



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

6.2 Báo cáo bộ phận

Báo cáo kết quả bộ phận giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

	Hàng Nông Sản	Hàng điện tử	Đầu tư, kinh doanh Bất động sản	Khác	Tổng
Tổng doanh thu thuần	971.043.034.763	264.692.658.681	8.741.658.681	18.919.658.681	1.263.397.010.806
Kết quả kinh doanh bộ phận	6.177.994.626	57.808.994.626	982.989.253	16.099.000.000	81.068.978.505
Trừ: Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	(41.032.132.288)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	40.036.846.217
Thu nhập tài chính	-	-	-	-	3.030.834.103
Chi phí tài chính (không phân bổ)	-	-	-	-	(13.308.264.133)
Phân lãi/lỗ từ công ty liên kết	-	-	-	-	(1.095.013.957)
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	131.493.990
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	-	-	28.795.896.220
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	(6.273.055.358)
Lợi nhuận trong năm					22.522.840.862

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Đơn vị tính: VND

	Tổng
TÀI SẢN	
Tài sản không thể phân bổ	1.034.426.410.423
Tổng tài sản	1.034.426.410.423
NỢ PHẢI TRẢ	
Nợ phải trả không phân bổ	618.299.279.625
Tổng nợ phải trả	618.299.279.625

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

6.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả bộ phận giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

	Hàng Nông Sản	Hàng điện tử	Đầu tư, kinh doanh Bất động sản	Khác	Tổng
DOANH THU					
Tổng doanh thu thuần	544.992.445.148	201.712.662.406	15.798.444.411	4.376.056.433	766.879.608.398
Kết quả kinh doanh bộ phận	17.143.137.566	33.003.782.591	8.622.251.284	206.993.594	58.976.165.035
Trừ: Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	(31.832.944.704)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	27.143.220.331
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư	-	-	-	-	2.714.970.769
Chi phí tài chính (không phân bổ)	-	-	-	-	(10.041.847.134)
Phần lãi/lỗ từ công ty liên kết	-	-	-	-	(1.051.999.890)
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	25.268.090
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	-	-	18.789.612.166
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	(4.005.999.895)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-	360.533.538
Lợi nhuận trong năm					15.144.145.809

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 như sau:

Đơn vị tính: VND

	Tổng
TÀI SẢN	
Tài sản không thể phân bổ	984.740.731.220
Tổng tài sản	984.740.731.220
NỢ PHẢI TRẢ	
Nợ phải trả không phân bổ	580.314.380.893
Tổng nợ phải trả	580.314.380.893

6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.18 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	62.346.494.894	68.146.110.747
Phải thu khách hàng và phải thu khác	95.639.219.311	148.500.753.060
Đầu tư tài chính dài hạn khác	-	-
Cộng	157.985.714.205	216.646.863.807
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	520.980.471.557	551.270.415.000
Phải trả người bán và phải trả khác	21.813.528.050	24.936.099.323
Chi phí phải trả	217.908.857	4.481.142.359
Cộng	543.011.908.464	580.687.656.682

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty chưa thực hiện được các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện được các biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị còn lại của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm ngày 30/06/2017 như sau:

Tên đối tượng	Công nợ		Tài sản	
	30/06/2017	01/01/2017	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	350.797.075.557	515.909.547.500	41.353.532	12.459.289.299
Cộng	350.797.075.557	515.909.547.500	41.353.532	12.459.289.299

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp)

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Tại 30/06/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	14.792.128.050	7.021.400.000	21.813.528.050
Chi phí phải trả	217.908.857	-	217.908.857
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	520.980.471.557	-	520.980.471.557
Cộng	535.990.508.464	7.021.400.000	543.011.908.464
Tại 01/01/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	18.304.699.323	6.631.400.000	24.936.099.323
Chi phí phải trả	4.481.142.359	-	4.481.142.359
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	551.270.415.000	-	551.270.415.000
Cộng	574.056.256.682	6.631.400.000	580.687.656.682

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại 30/06/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	62.346.494.894	-	62.346.494.894
Phải thu khách hàng và phải thu khác	95.623.219.311	16.000.000	95.639.219.311
Cộng	157.969.714.205	16.000.000	157.985.714.205
Tại 01/01/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	68.146.110.747	-	68.146.110.747
Phải thu khách hàng và phải thu khác	148.484.753.060	16.000.000	148.500.753.060
Cộng	216.630.863.807	16.000.000	216.646.863.807

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

6.4 Số liệu so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016 đã được soát xét.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2017

Người lập



Bùi Thị Anh Thư

Kế toán trưởng



Trần Thị Lụa

Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Hàn

